Bao thanh toán xuất khẩu - Cần có cái nhìn RÕ HƠN!

Lê Chí Thành*

Thời gian qua, báo chí đăng tải rất nhiều về lợi ích của sản phẩm **Bao thanh toán xuất khẩu** (BTTXK) khi cùng lúc bốn ngân hàng Việt Nam - gồm *Ngân hàng Á Châu, Ngân hàng Kỹ thương Việt Nam, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Sài Gòn Thương tín* - tham gia vào Tổ chức Bao thanh toán quốc tế, gọi tắt là FCI (Factoring Chain International). Rõ ràng, các khía cạnh tích cực của bao thanh toán như được đưa tin là chính xác. Có thể tóm lại các mặt tích cực ấy trong bốn chức năng cơ bản của bao thanh toán: chức năng tài trợ ứng trước, chức năng bảo hiểm rủi ro tín dụng, chức năng thu hộ tiền và chức năng quản lí sổ sách các khoản phải thu. Tuy nhiên, cũng cần hiểu rõ một điều rằng, sở dĩ khách hàng cần đến sử dụng sản phẩm bao thanh toán là ngân hàng dựa trên một giả định rằng nhu cầu sử dụng phương thức mở sổ (open account) sẽ gia tăng. Tại sao lại như vậy? Có thể giải thích giả định này như sau: khi so sánh tương quan giữa vị thế của nhà nhập khẩu và nhà xuất khẩu thì xem ra những nhà xuất khẩu Việt Nam sẽ yếu thế hơn so với những nhà nhập khẩu nước ngoài. Mà những nhà nhập khẩu nước ngoài ấy, đa số là Mỹ và Châu Âu, lại rất chuộng phương thức thanh toán mở sổ. Nhưng phương thức thanh toán này chứa đựng nhiều rủi ro cho nhà xuất khẩu. Và để hạn chế rủi ro ấy, ngân hàng sẽ cung cấp sản phẩm BTTXK cho khách hàng trong nước.

Lập luận là như vậy, nhưng đa số các bài báo chỉ nêu những vấn đề ưu điểm. Trên thực tế thì sản phẩm bao thanh toán có thực sự tốt cho nhà xuất khẩu Việt Nam hay không? Đó là điều chúng ta cần phải nhìn sâu hơn nữa. Bởi lẽ, vấn đề phát sinh khá phức tạp. Bên cạnh đó, cách làm mà một số ngân hàng Việt Nam dự tính thực hiện cũng còn nhiều vấn đề phải bàn tới.

Đầu tiên là những phát sinh có thể có, bao gồm: trường hợp giá trị hàng lớn hơn hạn mức tín dụng mà nhà bao thanh toán nhập khẩu cấp cho người mua, trường hợp nữa là có tranh chấp thương mại.

Trường hợp 1: Giá trị hàng lớn hơn hạn mức tín dụng mà nhà bao thanh toán nhập cấp cho người mua. Nếu giá trị hàng hóa của hợp đồng xuất lớn hơn hạn mức tín dụng mà nhà bao thanh toán cấp cho nhà nhập khẩu thì nhà bao thanh toán nhập chỉ có trách nhiệm thanh toán số tiền trong hạn mức tín dụng theo cam kết sau 90 ngày kể từ ngày hóa đơn đáo hạn. Như vậy, nếu số tiền vượt hạn mức tín dụng thì người bán vẫn có rủi ro bị mất tiền hàng khá cao vì lúc này, hàng đã giao rồi.

Trường hợp 2: Tranh chấp là việc phát sinh thường xuyên trong giao thương quốc tế. Theo thống kê sơ bộ của FCI, năm 2004, các hóa đơn bao thanh toán bị tranh chấp ở Mỹ là 8.23%, ở Anh: 12.52%, ở Ý: 11.83%, ở Đức: 3.44%, Pháp: 6.37%. Thoạt nhìn, con số tranh chấp nói trên chưa quá cao. Tuy nhiên, nếu đi vào con số cụ thể thì mỗi năm, ở Mỹ có 3009 hóa đơn tranh chấp, ở Anh là 2047 hóa đơn tranh chấp, Ý là 4172 hóa đơn, Đức là 704 hóa đơn và Pháp là 1636 hóa đơn. Con số này không phải nhỏ. Những tranh chấp phát sinh đa phần là do 2 nguyên nhân. Người mua không muốn trả tiền (muốn trì hoãn thanh toán hoặc không muốn thanh toán) hoặc hàng hóa không đúng như hợp đồng. Trong xét trường hợp người mua không mua trả và cố tình gây ra tranh chấp thì nhà bao thanh toán nhập khẩu cũng sẽ không làm gì để giúp người bán hàng vì họ rất sợ ảnh hưởng đến thanh danh của mình, cũng như không muốn làm mất lòng hai bên mua – bán. Mà với một quốc gia như Việt Nam, trình độ kinh doanh quốc tế còn quá non nớt thì khi gặp những trường hợp như vậy sẽ rất khó để giải quyết. Lúc này, hàng đã giao rồi, mà gặp phải khách hàng không tốt như vậy thì cũng đành mất cả chì lẫn chài!

Thứ hai, cách thức các ngân hàng Việt Nam dự tính thực hiện đối với sản phẩm BTTXK cũng có một số điểm không hợp lý:

Một là, bao thanh toán quốc tế thông thường là miễn truy đòi,... *(tiếp theo trang 61)*

Đại học Ngân hàng Tp. HCM (*)

Đã từ lâu người ta không chỉ nói đến lạm phát mà người ta còn nói đến các loại lạm phát, nói đến tốc độ, cách đo lường lạm phát và cũng không ít các nhà khoa học, các nhà chức trách đã mất rất nhiều công sức trong việc tìm giải pháp về vấn đề lạm phát để hạn chế các hậu quả do lạm phát gây ra.... Có nhiều quan điểm xoay quanh vấn đề này. Có quan điểm cho rằng phải chống lại lạm phát, phải đẩy lùi lạm phát. Một số khác lại nói đừng nuôi hy vọng chống lạm phát, chỉ có thể tìm cách kiểm soát nó, kiềm chế nó.... Song cũng không ít người lại thấy sự cần thiết trong việc chấp nhận một tỷ lệ lạm phát nhẹ nhàng để bôi trơn cho tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế....

*Vậy thì: Lạm phát là gì? Câu trả lời tưởng như đơn giản nhưng không hẳn như vậy.... Để làm sáng tỏ vấn đề này xin mời các bạn tham gia **"DIỄN ĐÀN TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG"** với chuyên đề:*

"Lạm phát là gì?"

LẠM PHÁT TIỀN TỆ VÀ LẠM PHÁT GIÁ CẢ

Thanh Ngọc

Từ năm 2004, nhiều định nghĩa khác nhau về lạm phát đã xuất hiện trên báo chí, đòi hỏi ta phải tìm hiểu kỹ về định nghĩa lạm phát. Định nghĩa lạm phát có khá nhiều, tùy theo mỗi nhà kinh tế nên không thể và cũng không nên đặt vấn đề nghiên cứu về tất cả các định nghĩa lạm phát. Theo tôi trong các định nghĩa về lạm phát nổi lên hai trường phái có cách trình bày khác nhau như nước với lửa. Nó làm cho việc điều hành tiền tệ ở nước ta rơi vào tình trạng không đồng thuận ảnh hưởng rất lớn đến điều hành tiền tệ và tài chính. Đó là:

1. Trường phái lạm phát tiền tệ lâu đời của những tên tuổi như Karl Marx. Milton Friedman, John M. Keynes, Irving Fisher,... với quan điểm khá nhất quan với nhau là: "*ở đâu và bao giờ lạm phát cũng là một hiện tượng tiền tệ*". Vì vậy định nghĩa lạm phát được xác định với nội dung cơ bản là: "*Lạm phát là tình hình khối tiền lưu thông quá nhiều so với nhu cầu lưu thông hàng hoá và dịch vụ*". Điều này phù hợp với quy luật lưu thông tiền tệ qua phương trình trao đổi nổi tiếng của Fisher MV= PQ với M là khối tiền lưu thông, V là tốc độ lưu thông tiền tệ (hay vòng quay của đồng tiền), P là giá cả hàng hóa và dịch vụ đưa ra lưu thông và Q là khối lượng hàng hóa và dịch vụ đưa ra lưu thông.

Marx cũng phát hiện ra quy luật lưu thông tiền tệ nhưng điều khác biệt nhỏ là Mác tách M thành Md, khối tiền cần cho lưu thông (Money demand) và Ms, khối tiền thực sự lưu thông (Money supply). Vì vậy lạm phát là tình hình Ms quá nhiều so với Md.

Theo trường phái lạm phát giá cả thì không có lạm phát vàng vì vàng là tiền thực có giá trị bản thân nên khi thiếu tiền cho lưu thông, nhà tư bản đem vàng thoi vàng nén ra Sở đúc tiền của Nhà nước đúc (miễn phí hay với chi phí rất thấp) thành tiền vàng. Nhưng các nước hầu như không đủ lượng vàng để đúc tiền vàng đủ cho lưu thông nên phải cho lưu thông giấy bạc ngân hàng có thể chuyển đổi tự do ra tiền vàng. (về sau việc đổi giấy bạc ngân hàng ra tiền vàng bị hạn chế về số lượng tối đa được đổi và về đối tượng được đổi như chỉ có các ngân hàng thương mại được đổi ở Ngân hàng Trung ương (NHTW), hay trong chế độ tiền tệ Bretton Woods NHTW Mỹ chỉ đổi cho NHTW các nước thành viên của chế độ tiền tệ này). Người ta gọi đây là chế độ bản vị vàng không đầy đủ.

Keynes đã phê phán chế độ bản vị vàng là tàn tích của chế độ mông muội vì khi giấy bạc ngân hàng phát hành vượt qua lượng vàng dự trữ của ngân hàng phát hành, nhà nước buộc chỉ được phát hành giấy bạc theo tỷ lệ đã quy định theo luật pháp. Thậm chí khi khối vàng dự trữ giảm mạnh do phải dùng vàng để thanh toán hàng nhập của nước ngoài, luật ngân hàng của nước Anh còn quy định trường hợp này phải thu hồi bớt lượng giấy bạc ngân hàng lưu hành cho đúng với tỷ lệ vàng đãm bảo cho tiền lưu thông. Khi đó giấy bạc ngân hàng trở nên thiếu cho lưu thông (Ms < Md khi Md không đổi hay vẫn tăng theo PQ) hoặc tình trạng thiểu phát xẩy ra,